TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17/10/2019.
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Hồng Gái.**

Ông **Nguyễn Thành Thái.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang -** Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 317/2019/TLST-HNGĐ, ngày 01/08/2019, về vụ "Tranh chấp về ly hôn ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ấp GG, xã SB, huyện HĐ, tỉnh KG*(Có mặt).*

***** Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp XTr, xã S B, huyện HĐ, tỉnh KG *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày như sau:***

- *Về hôn nhân*: Đầu năm 2012 chị và anh B tự nguyện yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/6/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- *Về con chung:* Chị và anh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/9/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày như sau:***

- *Về hôn nhân*: Anh và chị B tự nguyện yêu thương nhau nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn. Nguyên nhân do chị L muốn đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống nhưng anh không đồng ý nên vợ chồng có cự cãi qua lại. Anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

- *Về con chung:* Anh và chị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chun*g: Anh khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông **Nguyễn Minh Hậu** - đại diện VKSND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những

người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không xét. Về án phí buộc chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn B là bị đơn trong vụ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B tự tìm hiểu thương yêu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do giữa anh chị bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn 01 năm nay. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh B là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như chị L và anh B trình bày vợ chồng anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay và anh B cũng đồng ý ly hôn với chị L. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

- *Về con chung,* v*ề tài sản chung và nợ chun*g: Chị L và anh B khai nhận vợ chồng anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

1. Về Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0005597 ngày 18/07/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chị L đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòn Đất;
- UBND xã, thị trấn;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo